

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

QUYỂN 5

A. GIẢI THÍCH ỨNG TRI THẮNG TƯỚNG (THỨ 2)

CHƯƠNG 1: TƯỚNG

Nghĩa này có bốn Chương: 1. Tướng. 2. Sai biệt. 3. Phân biệt. 4. Hiển liễu ý y.

Luận nói: Như vậy đã nói tướng y chỉ hiểu biết thù thắng, làm sao biết thắng tướng?

Giải thích: Trước nói thứ tự có mười nghĩa, đã giải thích tướng y chỉ thù thắng thứ nhất, tiếp theo phải giải thích tướng y chỉ thù thắng thứ hai. Nghĩa này có mấy số mục? Có tên gì? Có tướng gì? Ba thứ này làm sao thấy được?

Luận nói: Tướng y chỉ này nói tóm lược có ba thứ.

Giải thích: Dưới đây là đáp ba câu hỏi trước, thuyết minh sơ lược nói tướng thù thắng của ba thứ, tức là ba tên và ba tướng. Những gì là ba?

Luận nói: 1. Y tha tánh tướng. 2. Phân biệt tánh tướng. 3. Chân thật tánh tướng.

Giải thích: Câu nói này trước hết làm rõ số có ba, và tên gọi ba số này. Ba tướng tiếp theo vẫn sau giải thích. Một hai ba là số, y tha phân biệt chân thật là danh.

Luận nói: Y tha tánh tướng.

Giải thích: Dưới đây giải thích về ba tướng.

Luận nói: Bản thức làm chủng tử, là sự gồm thâu các thức sai biệt của hư vọng phân biệt.

Giải thích: Do bản thức có thể biến dị là mười một thức. Bản thức tức là chủng tử mười một thức, mười một thức đã khác nhau cho nên nói là sai biệt. Phân biệt là tánh của thức. Cái gì là tánh của thức phân biệt? Phân biệt không thành có cho nên nói là hư vọng. Phân biệt làm nhân,

hư vọng làm quả. Do quả hư vọng mà nhân phân biệt được sáng tỏ. Lấy tánh của phân biệt này gồm thâu hết tất cả các thức.

Luận nói: Thế nào là sai biệt” ?

Giải thích: Ở đây không hỏi tánh chung, chỉ hỏi sai biệt của các thức.

Luận nói: Nghĩa là thân thức, thân giả thức, thọ giả thức, ứng thọ thức, chánh thọ thức, thế thức số thức, xứ thức ngôn thuyết thức, tự tha sai biệt thức, lương đạo thiện ác sinh tử thức. Thân thức, thân giả thức, ứng thọ thức, chánh thọ thức, thế thức, số thức xứ trước, ngôn thuyết thức nhờ chủng tử ngôn thuyết huân tập sinh. Tự tha sai biệt thức, do chủng tử ngã kiến huân tập sinh. Thiện ác lương đạo sinh tử thức, do chủng tử hữu phần huân tập sinh.

Giải thích: Thân thức là năm giới như nhãn giới... thân giả thức là thức nhiễm ô, thọ giả thức là giới của ý, ứng thọ thức là cõi Sắc sáu thứ ngoại giới. Chánh thọ thức là cảnh giới của sáu thức, thế thức là thức sinh tử tương tục không gián đoạn. Số thức là từ một cho đến A-tăng-kỳ số thức. Xứ thức là thức của khí thế giới, ngôn thuyết thức là thức của thấy, nghe hiểu biết. Chín thức như vậy, dựa vào ngôn thuyết huân tập khác nhau làm nhân. Sai biệt thức là thức của sự y chỉ sai biệt vào mình và người khác lấy sự huân tập ngã kiến làm nhân. Thiện ác lương đạo sinh tử thức là thức của nhiều thứ sai biệt trong đường sanh tử lấy sự huân tập hữu phần làm nhân.

Luận nói: Do các thức như vậy, là sự gồm thâu của tất cả thế giới, đạo và phiền não.

Giải thích: Tất cả thế giới tức là chỉ cho ba cõi và mười tám giới. Tất cả đạo tức là sáu đường. Trong giới này và đạo này có ba phiền não, tức là hoặc, nghiệp và quả báo, ba thứ này cũng gọi là phiền não, cũng gọi là trước, tục đế không ra khỏi các pháp này, tức là lấy mười một thức trước nhiếp các pháp này, chính vì đồng tánh cho nên được nhiếp nhau.

Luận nói: Tánh y tha làm tướng. Do hư vọng phân biệt liền được sáng tỏ lên.

Giải thích: Muốn làm rõ hư vọng phân biệt, thì chỉ lấy tánh y tha làm thể tướng. Loạn thức và loạn thức biến dị là hư vọng phân biệt, phân biệt tức là loạn thức, hư vọng tức là loạn thức biến dị. Hư vọng phân biệt, nếu rộng nói thì có mười một loại thức, nếu lược nói thì có bốn loại thức: 1. Tự trần thức. 2. Tự căn thức. 3. Tự ngã thức. 4. Tự thức thức. Hết thấy hư vọng phân biệt trong tất cả ba cõi, không ngoài nghĩa

này, do thức như vậy thì liền được hiển hiện. Tuy nói thức gồm thâu hết tất cả hư vọng phân biệt như vậy, nhưng trong sự chấp hư vọng phân biệt này thì pháp nào làm tánh y tha ? Pháp nào làm tánh phân biệt?

Luận nói: Các thức như vậy, sự gồm thâu của hư vọng phân biệt lấy duy thức làm thể.

Giải thích: Các thức như vậy, tức là làm rõ mười một thức và tứ thức. Trong trong tất cả pháp duy có thức, không có pháp nào khác nữa, cho nên duy thức làm thể. Thể này do hữu cho nên khác với tánh phân biệt. Vì do thâu vào tính chất hư vọng phân biệt nên tánh chân thật khác là không phải thật có, cũng thật không phải không, không tránh khỏi hư vọng, vì hư vọng này là tánh của nó. Cho nên nói đó là sự gồm thâu của hư vọng phân biệt.

Luận nói: Pháp trần hư vọng chẳng có để làm rõ sự y chỉ, đó gọi là tánh, tướng y tha.

Giải thích: Định vô sở hữu gọi là không có. Không có là không có vật, mà làm duyên duyên của sáu thức cho nên gọi là pháp trần hư vọng, tướng tự căn trần và ngã thức. Các tâm biến đổi của sinh trụ và diệt rõ ràng cho nên gọi là hiển hiện, Hiển hiện này lấy tánh y tha làm nhân cho nên gọi là y chỉ. Ví như chấp ngã làm trần, thì trần này thật ra là không có, vì ngã là không có. Do tâm biến dị hiển hiện tướng tự ngã cho nên nói là pháp trần hư vọng không thật có. Điều này trình bày rõ chỉ nương theo tánh y tha mà khởi. Tánh y tha làm rõ y chỉ của pháp trần hư vọng, cho nên nói đây là tánh tướng của y tha.

Luận nói: Tánh tướng phân biệt thật ra không có pháp trần, chỉ có thể của thức hiển hiện làm trần, gọi đó là tánh tướng phân biệt.

Giải thích: Như trần của vô ngã không có Thể riêng, duy thức làm Thể, không lấy thức làm tánh phân biệt. Sự biến đổi của thức hiển hiện làm ngã. Trần không có mà tướng tự như có làm nơi chấp thủ của thức, gọi là tánh phân biệt.

Luận nói: Tánh tướng chân thật, là tánh y tha. Do tướng pháp trần này vĩnh viễn không có, nhưng cái này chẳng phải không, nên gọi là tánh tướng chân thật.

Giải thích: Nghĩa hư vọng vĩnh viễn không có nhân hiển hiện, vì thể hiển hiện không có, cũng không thể nắm bắt được. Ví như ngã, trần hiển hiện tựa như thật có, do hiển hiện này mà nương vào để chứng và suy xét ba lượng thuộc lời nói của thánh nhân. Tìm cầu thật thể của nó không thể nắm bắt được. Như ngã trần, thì pháp trần cũng vậy, vĩnh viễn không có Thể cho nên người và pháp đều là vô ngã. Vô ngã như

vậy là thật có chẳng phải không, gọi đó là tánh tướng chân thật.

Luận nói: Do thân thức thì thân là thọ là thức, phải nên biết là nhiếp nhãn giới... sáu giới bên trong; Vì thức cũng thọ, phải nên biết là nhiếp sắc giới... sáu giới của thức giới bên trong. Vì chánh thọ thức, phải nên biết là nhiếp nhãn giới... sáu thức giới. Do các thức như vậy làm gốc, ngoài ra các thức khác là sai biệt của thức này.

Giải thích: Câu nói này muốn làm rõ nghĩa gì? Muốn làm rõ nghĩa tánh chân thật. Nếu không quyết định thuyết minh tất cả pháp chỉ có thức, thì tánh chân thật không được hiển hiện. Nếu không nói đủ mười một thức, thì nói về tục đế không hết. Nếu chỉ có năm thức trước, thì chỉ được nghĩa căn bản của tục đế, không được nghĩa sai biệt của tục đế. Nếu nói tục đế không khắp hết, thì chân đế không được minh liễu, chân đế không rõ ràng thì khiến cho tục đế chưa hết, cho nên có nói đủ mười một thức, thông nhiếp tục đế làm giống như mười tám giới có đủ căn trần thức, là không đúng.

Luận nói: Nhiều thức như vậy chỉ có thức, vì không có trần.

Giải thích: Sự biến dị của thức tuy có sự tướng nội ngoại không đồng, thật ra chỉ có một thức, vì không có thể riêng biệt của các trần cho nên đều lấy thức làm tên. Nếu không có trần thì thức này lìa trần, như vậy thọ dụng của yêu và ghét làm sao được thành?

Luận nói: Ví như mộng trong mộng, đã lìa các trần bên ngoài, hoàn toàn chỉ có thức. Các thứ sắc thanh hương vị xúc, các trần như nhà rừng đất núi... hiển hiện như thật, nhưng trong đó không có một trần nào là thật có.

Giải thích: Những cái thấy trong mộng có các thứ sai biệt, đều không có thật trần, đều là sự tạo tác của thức. Thọ dụng của yêu và ghét, nghĩa này cũng được thành.

Luận nói: Do thí dụ như vậy, tất cả xứ, phải nên biết, chỉ có thức. Những điều nói đó, nên biết là dụ huyễn sự, nai khác nước, mắt mờ, sự thấy trần của người tỉnh thì khắp nơi chỉ có thức. Ví như trần Cảnh trong mộng và người trong mộng tỉnh dậy, biết rõ mộng trần chỉ có thức. Khi tỉnh dậy thì không phải như thế, không có gì mà chẳng phải nghĩa này? Nếu người đã đắc trí giác chân như, thì đều có cái biết này, ví như người đang trong mộng chưa tỉnh thức thì giác này chưa sinh. Nếu người đã tỉnh thức thì mới có giác này. Như vậy nếu người chưa đắc trí giác chân như, thì cũng không có tỉnh giác này, nếu người đã đắc trí giác chơn như thì chắc chắn có cái biết này. Nếu người chưa đắc trí giác chơn như thì chắc chắn có cái biết này. Nếu người chưa đắc trí giác chơn như thì trong duy thức tại sao được khởi trí phân biệt? Do Thánh giáo và chân

lý có thể được suy xét và độ lượng. Thánh giáo, như trong Kinh Thập Địa Thế Tôn nói: Này Phật Tử! Ba cõi chỉ có thức. Lại nữa, như trong Kinh Giải Tiết nói.

Giải thích: Do mộng này ví như đối với xứ của mười tám giới, phải nên biết chỉ có thức không có trần. Tại sao dẫn hai A-hàm để thuyết minh Thánh giáo? Vì trước là lược nói, sau là rộng nói, tức là lấy nghĩa trước để làm chứng cho nghĩa sau.

Luận nói: Lúc đó Di-lặc Bồ-tát Ma-ha-tát hỏi Phật Thế Tôn: Bạch Thế Tôn! Sắc tướng này là cảnh đối tượng của tâm định, là khác tâm, hay là không khác với tâm?

Giải thích: Hai chữ “Lúc đó” có ba nghĩa: 1. Bình đẳng thời, không có chìm nổi điên đảo. 2. Hoà hợp thời, là khiến cho sự nghe và người nghe được đúng đắn. 3. Chuyển pháp luân thời, là chánh thuyết và chánh thọ. Sắc tướng, là tám nhập trước của mười nhập trong tất cả nhập. Sắc tướng này là cảnh đối tượng của định tâm, làm tâm riêng biệt và cảnh riêng biệt, làm tâm như vậy và cảnh như vậy.

Luận nói: Phật Thế Tôn nói: Này Di-lặc! Không khác với tâm. Tại sao vậy? Ta nói chỉ có thức! Sắc tướng này là chỗ hiển hiện của thức cảnh giới.

Giải thích: Phật nói chỉ có thức, vì không có trần. Nếu như thế thì sắc này mà người Quán hành thấy là làm pháp gì? Như Kinh nói: Cảnh giới sắc tướng này là do thức hiển hiện, thật ra không có cảnh giới, là sự tạo tác của thức biến đổi. Trước nói duy thức, sau nói cảnh giới thức, hai nghĩa này có gì khác? Muốn hiển có hai phần, thức trước là thể của định, thức sau là cảnh của định. Thể này và cảnh này vốn là một thức, vì một thì tương tự năng phân biệt khởi, còn một kia thì tương tự sở phân biệt khởi.

Luận nói: Di-lặc Bồ-tát nói: Bạch Thế Tôn! Nếu quyết định Sắc tướng của cảnh giới khác với tâm định thì tại sao thức này lại lấy thức làm cảnh?

Giải thích: Nếu có thức khác là cảnh của thức, thì nghĩa duy thức không thành. Nếu duyên tự thể làm cảnh sự cũng không thành, vì thế gian không có loại này.

Luận nói: Phật Thế Tôn nói: Này Di-lặc! Không có pháp nào có khả năng nắm lấy pháp khác, tuy không thể nắm lấy thức này, nhưng biến sinh như vậy hiển hiện giống như pháp trần.

Giải thích: Thức này tương mạo sinh khởi như vậy, trong định khởi hai thứ tướng: 1. Do hay nắm bắt tướng mà khởi bất động. 2. Chỗ nắm

bất tướng khởi bất đồng. Hai tướng này từ một thức đồng thời hiển hiện, các sắc tướng như xanh, và... Đây là cảnh của định, không phải chỗ của thức nhớ nghĩ, vì do sắc này không ở tại xứ của định, như do chỗ chứng trước, sau đó lại ức trì (nhớ giữ), là không có nghĩa này. Trần cảnh khởi hiện tiền thì hiển hiện phân minh, thức nhớ nghĩ này có nhiễm ô. Chỗ thấy của sự phát khởi hiện tiền này thì phân minh thanh tịnh. Nếu ông nói hai cảnh của văn và tư là chỗ huân tập của niệm niệm, thì ngay lúc này đã đi qua, phải tư duy trở lại, như chỗ thấy trước kia, trong lúc này thấy lại nữa là nghĩa không đúng. Tại sao vậy? Vì đã đi qua cho nên hiện tại là không có. Thời gian của không có này nếu tương tự như trước kia sinh khởi, thì không phải chỗ thấy của trước kia. Là ý chỉ của duy thức đối với điều này mà càng rõ ràng. Cho nên nghĩa duy thức và nghĩa không có hiện hữu của pháp trần được thành.

Luận nói: Ví như nương nơi mặt mà thấy mặt, đó là ta thấy ảnh, ảnh này hiển hiện tương tự như một mặt khác.

Giải thích: Ví dụ này là làm rõ chỉ có mặt của mình mà không có ảnh khác, tại sao vậy? Vì đạo Lý của các pháp hoà hợp thì khó có thể suy lường, không thể thấy pháp mà cho là được thấy, cũng như bóng ảnh trong gương, thật ra không có pháp riêng, còn thấy mặt của mình là có ảnh riêng.

Luận nói: Định tâm cũng như vậy, hiển hiện tương tự pháp trần là khác với định tâm.

Giải thích: Định tâm có hai phần: 1. Phần tự thức. 2. Phần tự trần. Hai thứ này thật ra chỉ là thức.

Luận nói: Do A-hàm và chỗ thành tựu đạo lý này, nghĩa duy thức hiển hiện.

Giải thích: A-hàm tức là hai quyển Kinh trước. Đạo lý là sắc quá khứ của thức nhớ nghĩ và duy trì, và ảnh mặt ví dụ cho đạo lý hiển nghĩa duy thức.

Luận nói: Tại sao như vậy?

Giải thích: Đây là hỏi tại sao nói chỉ có thức.

Luận nói: Lúc đó tâm của người thực hành pháp quán đang ở trong quán, nếu thấy xanh vàng... nhập khắp sắc tướng, tức là thấy tự tâm mà không thấy sắc xanh vàng... của các cảnh khác.

Giải thích: Hoặc do tâm tán loạn, thì năm thức có thể cho rằng duyên ngoại trần hiện tại mà khởi. Hoặc ý thức và tâm tán duyên trần quá khứ mà khởi, nếu trong quán thì chắc chắn không được duyên ngoại sắc làm cảnh. Sắc đang hiện tiền thì cũng không phải duyên cảnh quá

khứ. Phải nên biết sắc đối tượng của định tâm tức là thấy tự tâm mà không thấy cảnh khác.

Luận nói: Do đạo lý này, trong tất cả thức, Bồ-tát đối với duy thức phải khởi so sánh mà biết như vậy. Đối với thức của màu xanh vàng... Không phải là không nhớ nghĩ và duy trì, vì thấy cảnh đang hiện tiền, đối với hai vị văn và tư. Ý thức nhớ nghĩ và duy trì, tức thức này duyên cảnh quá khứ, cảnh tương tự quá khứ khởi, cho nên được thành nghĩa duy thức. Do biết phân biệt này mà Bồ-tát chưa đắc trí giác chơn như, thì đối với nghĩa duy thức này mà được sinh trí biết phân biệt.

Giải thích: Trước đã thuyết minh mười một thức, nói chung mười tám giới. Trong mười tám giới có căn và có trần. Bồ-tát trong nghĩa duy thức phải nên quán. Sắc trong định đã không có cảnh riêng. Nếu lấy sắc trong định so sánh với sắc ngoài định, phải biết cũng không có riêng cảnh.

Luận nói: Là các loại thức này, trước đã nói”.

Giải thích: Mười một thức trước đã nói đủ, vì muốn lập câu vấn nạn, phải thuyết minh mười một thức đã nói trước.

Luận nói: Ví như sự huyền và mộng, trong đó thức của nhãn thức... nghĩa duy thức được thành.

Giải thích: Trước nêu các huyền sự để thí dụ không có căn và trần riêng khác, bây giờ thì muốn vấn nạn duy thức có thành hay không thành, thì phải dẫn các thí dụ đã nêu. Trong mười một thức có đủ mười tám giới, trước đã thuyết minh chánh thọ thức tức là cảnh giới sáu thức, có thể nói đó là nghĩa duy thức.

Luận nói: Thức của nhãn sắc thì có sắc, nghĩa duy thức làm sao thấy được.

Giải thích: Đây là vấn nạn mười giới không nên nói duy thức. Trước đã thuyết minh thân thức là năm căn, là nhãn thức cho đến thân thức; trước đã thuyết minh thức ưng thọ tức là năm trần, là sắc thức cho đến xúc thức, cho nên nói là thức của nhãn sắc. Hữu sắc có ba nghĩa: 1. Nhãn thức khi chưa sinh, trước đã có sắc. 2. Thức biến dị làm sắc cũng là hữu sắc. 3. Do cảnh của hữu sắc, nhãn thức tương tự sắc khởi, gọi là liễu biệt sắc. Nếu không có sắc và cảnh thì liễu biệt chỗ nào? Căn cứ mười giới này thì nghĩa duy thức đáng lẽ không thành.

Luận nói: Nhưng thức này do A-hàm và đạo lý, phải nên hiểu như trước.

Giải thích: Đây là đáp câu vừa hỏi, do hai Kinh trước và sự dẫn đạo Lý để thí dụ ở trước, phải nên hiểu như vậy.

Luận nói: Nếu sắc là thức, tại sao hiển hiện tựa sắc?

Giải thích: Đây là hỏi rằng, nếu nói không có riêng sắc và trần mà chỉ là bản thức thì tại sao hiển hiện tương tự sắc?

Luận nói: Tại sao kiên trụ tương tục ? Vì trước và sau tương tự.

Giải thích: Đây là hỏi rằng, nếu là sự tạo tác của thức biến dị, thì đáng lẽ chợt khởi chợt diệt, chuyển đổi vô chừng, tại sao một sắc trong nhiều thời tương tục trụ lâu. Vì trước và sau một loại không có chuyển đổi, cho nên biết phải có sắc khác.

Luận nói: Do các điên đảo mà phiền não y chỉ.

Giải thích: Điên đảo là căn Bản của phiền não, do thức biến dị khởi các phân biệt. Phân biệt tức là điên đảo. Vì điên đảo cho nên sinh khởi tánh y tha và phân biệt tương ứng của các phiền não, tức là chỗ y chỉ xứ của phiền não điên đảo. Do điên đảo phiền não, mà khiến cho tánh y tha và tánh phân biệt tương ứng. Phiền não điên đảo cũng là chỗ y chỉ xứ của thức biến đổi.

Luận nói: Nếu không như thế thì đối với nghĩa của phi nghĩa, điên đảo không được thành.

Giải thích: Nếu không có nghĩa làm y chỉ cho nhau, thì thức không có biến đổi, việc không có sự vật mà phân biệt là có sự vật, thì không nên có điên đảo như vậy.

Luận nói: Nếu không có nghĩa điên đảo, thì hai thứ phiền não của hoặc chướng và trí chướng không được thành.

Giải thích: Nếu thức không biến dị phân biệt thì phi nghĩa làm nghĩa, lẽ nào có điên đảo! Nếu không có điên đảo thì không sinh phiền não. Nếu không có phiền não thì Thanh-văn không có giải thoát chướng, và Bồ-tát thì không có trí giải thoát tất cả chướng ngại.

Luận nói: Nếu không có hai chướng thì phẩm thanh tịnh cũng không được thành, cho nên các thức sinh khởi như vậy. Nên tin là thật!

Giải thích: Nếu không có phiền não thì lẽ nào có Thánh đạo, cho nên nghĩa này cũng không thành. Do đó phải tin rằng lìa thức này thì không có pháp nào khác!

Luận nói: Trong đây nói kệ:

*Loạn nhân và loạn thể,
Sắc thức, vô sắc thức,
Nếu thức trước không có,
Thức sau không được sinh.*

Giải thích: Trong pháp không, mà chấp có thì gọi là loạn động, nhân của loạn thức này do pháp nào sinh? Do sắc thức sinh. Cái gì là

sắc thức? Nếu căn cứ theo năm thức, thì năm căn và năm trần gọi là sắc thức. Sắc này có thể sinh các nhãn thức..., thức trong thức sắc này tức là loạn nhãn. Nếu thức này không khởi, thì không được trong không có mà chấp có. Pháp nào gọi là thể loạn động? Nếu căn cứ theo năm căn thì tức là năm thức. Nếu căn cứ theo ý căn thì chỉ là ý thức, không phải pháp thức. Pháp thức và sắc thức đều là nhân loạn động.

Luận nói: Nếu thức trước không có, thì thức sau không được sinh.

Giải thích: Thức trước là nhân loạn động, hoặc vốn không có. Thể loạn động là quả, tức là thức sau. Nếu không có nhân thì không được sinh.
